

Bản án số: 52/2024/DS-ST
Ngày: 08/5/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thu Trang.
- Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 341/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hải B**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phụng H**, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: 1. Bà **Phạm Kim O**, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

2. Chị **Dương Thị Phương L**, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

3. Anh **Lê Hải Đ**, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, bản tự khai ngày 13/12/2023 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Hải B là chị Nguyễn Thị Phụng H trình bày như sau:*

Do có quen biết nhau từ trước nên vào ngày 02/11/2022, anh Nguyễn Hải B có cho anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L (vợ anh Đ), bà Phạm Kim O (mẹ anh Đ) vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để bổ sung vốn kinh doanh của gia đình, thời hạn vay thời hạn 03 tháng từ ngày 02/11/2022 đến ngày 02/02/2023, lãi suất 3%/tháng. Việc cho vay tiền có làm hợp đồng vay, có công chứng tại Văn phòng công chứng Trương Thị Thanh T theo số công chứng: 004001, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/11/2022. Anh Đ, chị L, bà O cùng ký tên xác lập Hợp đồng vay tiền trước mặt Công chứng viên và anh B đã giao tiền ngay trong ngày, việc giao tiền không có lập văn bản. Đến hạn hợp đồng, các bị đơn không đóng lãi tiền vay, không trả tiền gốc. Do đó, anh Nguyễn Hải B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi số tiền trên với lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 02/02/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 02/02/2023 đến ngày 02/5/2024, cụ thể, $15 \text{ tháng} = 300.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 37.350.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2023, bị đơn bà Phạm Kim O khai như sau:*

Bà là mẹ ruột anh Lê Hải Đ, bà biết anh Nguyễn Hải B là chỗ làm ăn lâu năm với anh Lê Hải Đ. Trước đây, anh Đ có vay của anh B nhiều lần rồi trả xong vay lại. Khoảng cuối năm 2022, anh B có liên hệ với bà nhờ bà xác nhận khoản vay của anh Đ. Bà cũng biết việc anh Đ vay tiền của anh B nên bà cùng với anh Đ, chị L (vợ anh Đ) cùng ký xác nhận vay tiền trước mặt Công chứng viên. Bà xác định chữ ký trong Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 là của bà. Việc giao nhận tiền thì anh B giao anh Đ nên bà không biết rõ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L các văn bản tố tụng nhưng anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L vắng mặt không tham gia các*

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hải B đối với anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Hải B số tiền vay 337.350.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), gồm 300.000.000 đồng tiền nợ gốc, 37.350.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Hải B khởi kiện yêu cầu anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O trả tiền vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự .

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có đăng ký thường trú tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ, chị L, bà O là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] Anh Nguyễn Hải B khởi kiện cho rằng có cho anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 02/11/2022 nhưng đến hạn các bị đơn không trả nợ. Căn cứ khởi kiện là Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022.

Xét thấy, Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2022 có công chứng tại Văn phòng công chứng Trương Thị Thanh T theo số công chứng: 004001, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/11/2022 thể hiện anh Nguyễn Hải B cho anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O cùng vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Bị đơn bà Phạm Kim O cũng thừa nhận sự việc này (bút lục 46-47). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay là giao tài sản cho bên vay đầy đủ. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ thì anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, đã thể hiện tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hải B về số tiền vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là có cơ sở

và phù hợp với quy định tại các Điều 92, 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu liên đới trả nợ: Anh Nguyễn Hải B khởi kiện anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Hải B số tiền vay.

Xét thấy, anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O cùng ký tên xác lập Hợp đồng vay tiền với anh Nguyễn Hải B, hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng. Do đó, anh Nguyễn Hải B yêu cầu anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Hải B số tiền vay là phù hợp với quy định tại Điều 280, 288 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi suất hợp đồng vay: Anh Nguyễn Hải B yêu cầu tính lãi số tiền vay với lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 02/02/2023 cho đến ngày 02/5/2024.

Xét thấy, yêu cầu của anh Nguyễn Hải B là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

$15 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 37.350.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Vậy, anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Hải B số tiền vay là 337.350.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), bao gồm 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, 37.350.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên anh Nguyễn Hải B không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí theo quy định.

Cụ thể: $337.350.000 \text{ đồng} = 337.350.000 \text{ đồng} \times 5\% = 16.867.500 \text{ đồng}$ (Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 288, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hải B đối với anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Hải B số tiền vay là 337.350.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), bao gồm 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, 37.350.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự , trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O có nghĩa vụ liên đới phải chịu số tiền án phí là 16.867.500 đồng (Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

H1 lại cho anh Nguyễn Hải B số tiền án phí đã nộp là 8.156.250 đồng (Tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000537 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Anh Nguyễn Hải B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hải Đ, chị Dương Thị Phương L, bà Phạm Kim O vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ